

LÝ THUYẾT GIÁ TRỊ VÀ MÔ HÌNH BIẾN ĐỔI GIÁ TRỊ TRONG NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC

VŨ HÀO QUANG *

Tóm tắt: Khái niệm giá trị được nhiều ngành khoa học xã hội nghiên cứu như Văn hóa học, Tâm lý học, Triết học, Nhân chủng học, Xã hội học. Bài viết phân tích khái niệm giá trị trong xã hội học; theo đó khái niệm giá trị là một trong những khái niệm cơ bản được sử dụng để mô tả mối quan hệ giữa các cá nhân, các nhóm, các cộng đồng xã hội trong một khung cảnh văn hóa xã hội cụ thể. Giá trị xã hội mang tính khách quan đối với hành động của cá nhân và gây áp lực lên cá nhân. Mỗi hành động của cá nhân, theo E. Durkheim, đều là kết quả của áp lực do các sự kiện xã hội mang lại. Giá trị có thể biến đổi dưới tác động của các nhân tố xã hội như tổ chức xã hội, cấu trúc xã hội, kinh tế, chính trị xã hội, v.v..

Từ khóa: Giá trị, biến đổi giá trị, định hướng giá trị, tương tác xã hội, hành động xã hội.

1. Lý thuyết giá trị trong nghiên cứu xã hội học

Giá trị là những nguyên tắc đạo đức và đánh giá về sự vật hiện tượng có ý nghĩa đối với chủ thể hành động được cộng đồng xã hội chấp nhận. Con người hành động để đạt mục đích đã đề ra nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân và xã hội. Có những hành vi có thể có ý nghĩa đối với cá nhân như phản ứng tự vệ bản năng của cơ thể. Ví dụ: sờ tay vào vật nóng thì rút tay lại. Loại hành vi này chỉ đơn thuần là một quan hệ “kích thích- phản ứng” nó ít liên quan đến khái niệm giá trị mà chúng tôi bàn ở đây, tuy nhiên cần nêu ra để phân biệt những hành vi có giá trị và những hành vi không (hoặc ít) liên quan đến giá trị.

Các hành vi có ý thức của cá nhân với tư cách là chủ thể hành động (chỉ có giá trị cá nhân) chưa chắc đã là giá trị xã hội nếu nó không có liên quan gì đến những người xung quanh hay nói cụ thể không nằm trong quan hệ tương tác với người khác (M. Weber)⁽¹⁾. Những hành vi có liên quan đến giá trị xã hội là những hành vi bị chi phối bởi các nguyên tắc đạo đức (nguyên tắc về cái đúng cái sai)⁽²⁾ hay những đánh giá về cái có giá trị (cái đẹp - xấu, cái quý giá - rẻ tiền,

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Dư luận, Ban Tuyên giáo TW.

(1) M.Weber (1990), *Tuyển tập*, Nxb Tiến bộ, Matxcova, tr. 625-633 (tiếng Nga).

(2) Xem: The Cambridge Dictionary of Sociology, p.649 (Từ điển xã hội học của Nxb Cambridge, tr. 649).

cái quan trọng- bình thường, v.v.). Khái niệm giá trị được nêu ra ở đây thuộc phạm trù xã hội học, nó liên quan trực tiếp tới hành động xã hội và tương tác xã hội trong một cấu trúc xã hội tại một giai đoạn lịch sử cụ thể.

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm “giá trị”. Tuy nhiên, các định nghĩa đều nêu lên những đặc tính quan trọng nhất về mối quan hệ giữa chủ thể của hoạt động xã hội và đối tượng của nó. Quả thực, chỉ có trong mối quan hệ biện chứng giữa hoạt động có ý thức xã hội và các khách thể của nó, khái niệm giá trị xã hội mới trở nên có ý nghĩa thực sự. “Giá trị” sẽ trở nên trừu tượng khó hiểu và thậm chí “vô giá trị” khi tách rời nó khỏi hoạt động thực tiễn của con người, của xã hội. Khái niệm giá trị được sử dụng trong các trường phái triết học, kinh tế học, đạo đức học, xã hội học. Trong triết học, người ta bàn tới giá trị như là cái chân, thiện, mỹ. Trong đạo đức học, người ta bàn tới giá trị như là cái đúng, sai. Trong kinh tế học, người ta bàn tới giá trị như là giá trị trao đổi, giá trị sử dụng⁽³⁾. Trong xã hội học, khái niệm giá trị được xem như là các quy tắc của hành vi ứng xử. Điều này được thể hiện rõ trong thuyết tương tác tượng trưng, thuyết hành động xã hội, thuyết trao đổi và lựa chọn hợp lý. Trong thuyết hành động xã hội của M.Weber, ông coi giá trị như là động cơ và đồng thời cũng là mục đích. Một hành động của con người được thúc đẩy bởi một

giá trị nhân văn cao cả (động cơ). Ví dụ: việc làm từ thiện, cứu người khi gặp hoạn nạn là những hành động hợp lý về mặt giá trị. Loại hành động hợp lý về mặt giá trị là hành động quan trọng vì nó vừa đáp ứng những đòi hỏi từ bên trong (động cơ) vừa đáp ứng những đòi hỏi từ phía những người khác ở bên ngoài (xã hội). Khái niệm “giá trị” được cá nhân cắt nghĩa cho chính mình, khi thấy hạt nhân của sự hợp lý về mặt giá trị thì con người hành động. Con người luôn đặt ra câu hỏi mình làm việc đó để làm gì và đối tác sẽ phản ứng ra sao? Câu hỏi này đã được lý giải trong bốn điển loại hành động xã hội (M. Weber)⁽⁴⁾. Chủ thể hành động thấu hiểu được mục đích của hành động tức là cắt nghĩa được động cơ hành động trong tương quan với khả năng phản ứng đáp lại của đối tác. Trong quá trình định hướng hành động, giá trị giữ vai trò dẫn đường, nhờ đó chủ thể hành động (actor) có thể lựa chọn quyết định thực hiện hành động hoặc dừng hành động⁽⁵⁾. Theo quan niệm của Weber, bất kỳ hành động nào của cá nhân có ý thức thì đều kèm theo một giá trị. Tuy nhiên, hành động có ý thức của cá nhân cũng chưa

⁽³⁾ William Outhwaite (2006), *The Blackwell dictionary of modern social thought*, Blackwell Publishing Ltd, pp 718-721.

⁽⁴⁾ M.Weber, *sđđ*.

⁽⁵⁾ Sam Whimster “Max Weber: Work and Interpretation”, trong *Handbook of Social theory*, George Ritzer and Barry Smart, SAGE Publications Ltd, 2003, pp.54-60.

đủ điều kiện để trở thành hành động xã hội được nêu như chủ thể hành động không có định hướng, không cân nhắc tới phản ứng đáp lại của những người xung quanh (xã hội), khi đó ta đề cập tới giá trị cá nhân. Khi con người gia nhập vào các hoạt động tập thể thì nó phải tuân thủ kỷ luật, quy tắc của tập thể, đó chính là những chuẩn mực điều chỉnh hành vi xã hội của cá nhân cũng như của nhóm xã hội. Cho đến thời điểm hiện tại, chưa có nhà xã hội học nào đặt vấn đề phân biệt rạch ròi giữa ranh giới của giá trị nói chung với tư cách là giá trị xã hội và giá trị cá nhân. Hơn nữa, nếu không phân biệt cấp độ của hành động xã hội thì khó có thể hiểu được ranh giới của giá trị cá nhân và giá trị xã hội⁽⁶⁾. Để làm rõ hơn khái niệm và giới hạn phạm vi của khái niệm giá trị, chúng ta cần phân tích thêm quan điểm của E. Durkheim về giá trị. Trong khi Weber đi tìm nguồn gốc của giá trị trong quan hệ của cá nhân với tư cách là chủ thể hoạt động xã hội với những cá nhân khác vừa là khách thể vừa là chủ thể trong tương tác xã hội, thì E. Durkheim coi giá trị xã hội chính là ý thức tập thể được hình thành trong sự hợp tác và đoàn kết xã hội. Ý thức tập thể hình thành nhờ vào cơ chế điều tiết của các giá trị xã hội cơ bản. Trong đó, hoạt động là cơ sở của sự đoàn kết xã hội, mà nó có cội nguồn từ sự phân công lao động xã hội và tổ chức xã hội. Theo E. Durkheim, lịch sử nhân loại là lịch sử phát triển biến đổi của

hai loại đoàn kết xã hội; đó là đoàn kết cơ giới và đoàn kết hữu cơ. Các loại đoàn kết này, theo cách nhìn thực chứng của E. Durkheim, là kết quả của việc phân công lao động xã hội. Theo E. Durkheim⁽⁷⁾, trong các xã hội cổ xưa và những xã hội có trình độ sản xuất thấp kém, chưa có sự phức tạp trong phân công lao động xã hội, loại xã hội này chỉ có kiểu đoàn kết cơ giới. Kiểu đoàn kết hữu cơ thuộc về những xã hội công nghiệp hiện đại, khi có sự phân công lao động phức tạp hơn nhiều. Tuy nhiên, tính tập đoàn được hình thành trong sự hợp tác và đoàn kết xã hội. Theo ông, ý thức tập đoàn là cái quyết định đời sống xã hội, nó có tính cưỡng chế so với ý thức cá nhân. Hệ thống giá trị cơ bản trong xã hội luôn luôn khẳng định lợi ích của nhóm xã hội hay tập thể và có xu hướng gây áp lực lên lợi ích cá thể trong trường hợp đối lập⁽⁸⁾. Theo E. Durkheim, giá trị có đặc tính bề ngoài đối với tất cả các thành viên của xã hội, giá trị xã hội có thuộc tính ép buộc về mặt đạo đức vì bản thân giá trị phản ánh hiện thực khách quan, đồng thời là một phần của chính hiện thực khách quan đó. Việc nghiên cứu hiện tượng tự tử đã

⁽⁶⁾ Vũ Hào Quang (1997), “Về hành động xã hội của M. Weber”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1.

⁽⁷⁾ E. Durkheim (1996), *Về phân công lao động xã hội*, Nxb Canon, Matxcova, tr. 238-360, (tiếng Nga).

⁽⁸⁾ John Gillin (1954), “Đối với Khoa học về Chủ nghĩa xã hội/For a science of Socialism”, New York, tr. 110 -113.

cho phép E. Durkheim có những nhận xét quan trọng về việc xem xét áp lực của giá trị xã hội lên ý thức, niềm tin cá nhân với tư cách là thành viên của tập đoàn xã hội. Ông cho rằng, ý thức tập đoàn có đặc tính bề ngoài; nó chỉ thực sự có sức mạnh khi được thẩm nhuần trong ý thức các cá thể. Khi đó các chủ thể hành động buộc phải phục tùng chuẩn mực xã hội với thái độ tôn trọng và tinh thần trách nhiệm. Khi cá thể đã thẩm nhuần những giá trị xã hội thì nó không những chỉ phục tùng “mệnh lệnh” của xã hội mà nó còn mong đợi để được thực hiện chuẩn mực xã hội nữa. Trong trường hợp này, ý thức tập thể hay giá trị xã hội trở thành chuẩn mực xã hội. Mức độ tuân thủ các chuẩn mực xã hội phản ánh sự đồng thuận xã hội. Người ta có thể đo độ liên kết giữa các thành viên trong nhóm để đánh giá mức độ đoàn kết xã hội và trật tự xã hội.

Các tác giả Thomas và Znaniecki đã phát triển khái niệm giá trị từ quan niệm về hành vi xã hội. Họ cho rằng “*tất cả những gì mang lại nội dung và ý nghĩa cho các thành viên của nhóm xã hội đều là giá trị xã hội*”⁽⁹⁾. Giá trị chính là các quy tắc hành vi nhờ đó mà cả nhóm xã hội lẫn cá nhân đều thực hiện việc điều chỉnh, phổ biến những hành động cho từng thành viên của mình. Các quy tắc hành vi chính là giá trị, loại giá trị này mới đáng quan tâm nghiên cứu trong xã hội học. Các giá trị cũng được xem tương tự như những chuẩn mực trong

khi phân tích hành vi xã hội. Vì các chuẩn mực xã hội và giá trị xã hội đều có chức năng điều chỉnh xã hội đối với hành vi cá nhân hoặc nhóm. Ngoài ra, Thomas và Znaniecki còn xem nó như là các tâm thế chuẩn để chủ thể tự định hướng vào mình, đồng thời đánh giá hành động của người khác hoặc trông chờ hành động tương ứng phù hợp với những người khác so với giá trị xã hội đã quen thuộc hay các thói quen, tập tục trong ứng xử xã hội. Bên cạnh tiếp cận của T. Parsons từ thuyết cấu trúc chức năng, có một vài nhà xã hội học- tâm lý học xã hội như E. Feris và H.Mead coi giá trị như là tâm thế xã hội. Theo E.Feris và H.Mead, giá trị như là tâm thế xã hội; là sự phản ánh chủ quan, cục bộ về các quy tắc xã hội. Tâm thế nhóm là loại hiện tượng tập thể với tư cách là tổng hoà của các tâm thế cá thể. Tâm thế nhóm có tính chỉnh thể và nó được phản ánh một cách chọn lọc vào tâm thế cá thể, do đó dư luận xã hội được phản ánh trong dư luận cá nhân chính là mặt chủ quan của nền văn hoá⁽¹⁰⁾. Nghiên cứu tâm thế nhóm như là một loại giá trị khách quan đối với cá nhân với tư cách là thành viên nhóm. Việc phát hiện thái độ của các cá nhân trong nhóm về một vấn đề xã hội nào đó mà họ quan tâm sẽ rất hữu ích cho quá trình truyền thông

⁽⁹⁾ W.I. Thomas and f. Znaniecki, *The Polish peasant in Europe and America*, Boston 1918- 1920.

⁽¹⁰⁾ “The nature of Human nature”, New York 1937, pp 135-143.

và hoạch định chính sách.

Trong lý thuyết xã hội học, trường phái cấu trúc chức năng mà đứng đầu là T. Parsons đã có vai trò rất quan trọng trong những năm 1950- 1970. Ông xem giá trị như là quy tắc cao nhất của hành vi, nhờ đó mà đồng thuận xã hội được thực hiện khi một giá trị chung được chấp nhận cả trong nhóm nhỏ lẫn trong xã hội tổng thể⁽¹¹⁾. Giá trị như chiếc đèn soi đường cho các hoạt động xã hội và có vai trò quan trọng trong việc định hướng giá trị của hệ thống xã hội; quyết định xu hướng hành động xã hội. Giá trị là hạt nhân của nền văn hóa với tư cách là một trong những chức năng tất yếu của hệ thống xã hội trên cơ sở đó xã hội duy trì các khuôn mẫu văn hóa, duy trì tính ổn định và trật tự xã hội. Con người trong những môi trường văn hoá xã hội cụ thể phải có cách thức hành động cụ thể để phù hợp với khuôn mẫu văn hóa. Việc quy định cách thức hành động của con người chính là các mô hình hành vi nhóm, còn việc quy định cách thức hành động của xã hội tổng quát chính là nền văn hoá chung.

Theo T. Parsons, hành động xã hội diễn ra ở các cấp độ khác nhau nhưng đều bị chi phối bởi hệ thống các mối quan hệ chức năng (AGIL). Chủ thể hành động có thể là cá nhân, có thể là tập thể. Các chủ thể trong quá trình hành động bị chi phối bởi các chức năng. Ví dụ: bác sỹ thực hiện chức năng chữa bệnh. Chức năng chữa bệnh là cái chung,

cái phổ biến. Tuy nhiên, bên cạnh cái chung, cái phổ biến còn tồn tại cái chức năng riêng hoặc chức năng đặc thù.

Các tác giả khác như Auguste Comte và H.Spencer tuy không đưa ra những khái niệm cụ thể về giá trị nhưng đều hiểu giá trị thông qua các khái niệm như liên kết xã hội, trật tự xã hội, ổn định xã hội. Theo Spencer, trật tự xã hội cũng là loại giá trị xã hội quan trọng. Nó được xác định bởi sự tăng trưởng về mặt cơ cấu, sự đa dạng hoá các chức năng hữu quan. Độ ổn định của hệ thống được bảo đảm nhờ sự đan xen của các lợi ích và những thói quen xã hội. Trong đời sống xã hội luôn diễn ra cuộc đấu tranh sinh tồn mà hình thức đơn giản nhất là cạnh tranh. Trong cạnh tranh xã hội sẽ sinh ra trật tự xã hội, liên kết xã hội và những quá trình xã hội khác. Trong xã hội, con người cần thiết phải hành động với nhau như thế nào đó và bằng cách nào đó, nhờ vậy mà các thói quen xã hội ra đời và trở thành những giá trị, chuẩn mực xã hội đòi hỏi các thành viên phải thi hành sự chấp nhận chung. Chuẩn mực xã hội là những quy định của xã hội; đòi hỏi các thành viên xã hội phải tuân thủ. Nếu con người không tuân thủ các chuẩn mực xã hội, tất yếu dẫn tới hiện tượng xã hội bị rối loạn chức năng. Mặt khác, để thực hiện các chuẩn mực và các giá trị xã hội, con người phải đấu tranh sinh

⁽¹¹⁾ T. Parsons (1966), *The social System*, Toronto, p. 329- 361.

tồn với nhau (theo Spencer)⁽¹²⁾. Trong đấu tranh sinh tồn, hình thức liên kết lẫn nhau là có lợi nhất. Do vậy, thực chất của sự liên kết giữa các cá thể cũng là sự tồn tại của chính họ. Điều đó đòi hỏi các cá thể phải có khả năng thích nghi xã hội. Trật tự xã hội là cơ sở để duy trì các giá trị và các chuẩn mực xã hội và ngược lại, duy trì ổn định các chuẩn mực và các giá trị xã hội sẽ đảm bảo một trật tự xã hội. Hiện tượng nhiều cá nhân không chấp nhận những giá trị xã hội đương thời tất yếu sẽ dẫn tới không chấp nhận chuẩn mực xã hội (kể cả luật pháp). Việc tôn trọng pháp luật (chuẩn mực) dần dần trở thành thói quen xã hội tạo ra một lối sống, làm việc theo pháp luật. Tính đồng thuận cao trong tinh thần thượng tôn pháp luật được thực hiện thường xuyên sẽ trở thành thói quen chung, nếp sống, lối sống cho tất cả các thành viên cộng đồng xã hội. Tuy nhiên, Spencer đã cảnh báo về sự biến đổi giá trị, chuẩn mực xã hội dựa vào sự biến đổi của các trật tự xã hội. Điều kiện của sự biến đổi trật tự xã hội theo ông là việc xuất hiện “kẻ lạ”, mô hình hành vi lạ, trong nhóm, trong xã hội nói chung.

Quá trình biến đổi xã hội diễn ra không chỉ vì “mô hình hành vi lạ” hay nhân tố mới xuất hiện, mà còn do quá trình tự đào thải các giá trị và chuẩn mực cũ do phong tục tập quán cũ dần dần trở nên lạc hậu lỗi thời không đáp ứng kịp những đòi hỏi của nhu cầu mới phát sinh. Mô hình hành vi mới phù hợp

hơn tiếp tục được khẳng định và trở thành thói quen xã hội, cơ chế tiến hoá và đào thải bằng con đường đấu tranh giữa các giá trị, chuẩn mực cũ và mới nhờ đó xã hội tiếp nối vô tận. Tóm lại, dù có tiếp cận nghiên cứu giá trị từ xu hướng nào thì các nhà xã hội học cũng đặt giá trị trong quan hệ cụ thể của con người với thế giới hiện thực, như Joseph H. Fichter đã viết: *“Tất cả những gì có ích lợi, đáng ham chuộng, đáng kính phục đối với con người hoặc nhóm xã hội đều có một giá trị”*.⁽¹³⁾

Trong xã hội học mácxít, giá trị xã hội được xem như là những chuẩn mực cơ sở cho tính chỉnh thể của các hệ thống xã hội, trong đó lợi ích đặc biệt về mặt vật chất và tinh thần đối với sự tồn tại và phát triển xã hội được thể hiện⁽¹⁴⁾. Giá trị được xem xét như là những chuẩn mực cơ bản để điều chỉnh các hoạt động trong đời sống xã hội cũng như hành vi của các cá nhân là thành viên của xã hội. Xã hội học mácxít khẳng định tính giai cấp của giá trị xã hội. Trong xã hội có giai cấp thì giá trị là bộ phận hữu cơ của ý thức và hệ tư tưởng giai cấp. Chính chức năng có tính chuẩn mực của các giá trị đã làm cho giá

⁽¹²⁾ H.Spencer (1990), trong cuốn “Sociological Theory”, David Ashley, Davis Michael Oreinstein, tr. 141-178.

⁽¹³⁾ Xã hội học của Joseph H. Fichter, Bản dịch của Trần Văn Đĩnh (1974), Sài Gòn, tr. 173-174.

⁽¹⁴⁾ (1990), *Từ điển xã hội học giản yếu*, Matxcova, tr.442-443 (tiếng Nga).

trị trở thành đối tượng đặc biệt của xã hội học.

Dựa vào những loại hoạt động cụ thể người ta chia giá trị thành các loại giá trị kinh tế, đạo đức, chính trị, xã hội, thẩm mỹ, v.v.. Một số tác giả khác chia hệ thống giá trị ra thành ba điển loại. *Thứ nhất* là giá trị tinh thần (có các loại giá trị cụ thể như: đạo đức tình cảm, lương tâm), loại giá trị này tạo ra trung tâm đạo đức của mỗi con người. *Thứ hai* là loại giá trị quan hệ, gồm những loại giá trị cụ thể như hợp tác, hoà giải, đồng hoá. *Thứ ba* là nhóm giá trị mang tính thiết chế xã hội: giá trị kinh tế, chính trị, văn hoá, tôn giáo, gia đình,... Giá trị như là khuôn mẫu lý thuyết hướng dẫn các chủ thể hoạt động, nhận thức được cách thức liên hệ trong các quan hệ xã hội; giúp cho cá nhân gia nhập vào hệ thống văn hoá xã hội, đồng thời bổ sung cho tính liên tục và đa dạng của các nền văn hoá nhờ vào loại liên hệ căn bản trong tương tác xã hội. Vì thế nhiều nhà xã hội học cho rằng, giá trị là hạt nhân của nền văn hoá. Từ những khái niệm trên công trình này có cách định nghĩa về giá trị như sau: *giá trị là tất cả những gì định hướng, kiểm soát và điều chỉnh hành động đạt tới mục đích đã được chủ thể hành động⁽¹⁵⁾ đặt ra trong quan hệ xã hội.*

2. Mô hình biến đổi giá trị

2.1. Sự hình thành và từ bỏ giá trị

Giá trị có thể được hình thành và biến đổi. Trong quá trình hoạt động sống,

con người chấp nhận hay lĩnh hội được các giá trị, tuy nhiên con người có thể từ bỏ hoặc biến đổi các giá trị hay các quy tắc ứng xử cho phù hợp với nhận thức của mình. Trong đời sống xã hội hiện nay, quá trình hội nhập sâu của Việt Nam vào hệ thống văn hóa toàn cầu, nhiều giá trị mới được hình thành, một số giá trị mang tính truyền thống hoặc các giá trị mang tính bản sắc vẫn được duy trì, củng cố. Tuy nhiên, có những giá trị đã bị từ bỏ hoặc mai một, biến thể, v.v.. Hiện nay, người ta nói nhiều tới hiện tượng “sính ngoại” và “xâm lăng văn hóa”. Đó là hiện tượng một nhóm người nào đó đã đề cao “hệ giá trị ngoại” hơn những giá trị của dân tộc họ đã được phổ biến trong nền văn hóa. *Tóm lại*, việc lĩnh hội hay từ bỏ giá trị là những sự biến đổi giá trị đối với một cá nhân hay một nhóm liên quan tới một giá trị nào đó.

2.2. Sự phân phối lại giá trị

Chúng ta có thể nói: *phân phối lại giá trị là sự biến đổi về quy mô và khuôn mẫu của các loại hình giá trị trong xã hội*. Có những giá trị được cả xã hội thừa nhận như là “một giá trị xã hội”, nhưng cũng có giá trị chỉ được một nhóm theo đuổi và vận động những người trong cộng đồng chấp nhận (các giá trị tôn giáo hay sắc tộc; hành vi

⁽¹⁵⁾ Chủ thể hành động được hiểu là cá nhân, nhóm, cộng đồng, xã hội thực hiện việc tác động vào đối tượng nhằm đạt được mục đích xác định (Vũ Hào Quang).

truyền đạo; sự chia rẽ giữa các giáo phái, các sắc tộc).

2.3. Giá trị vượt trội

Trong đời sống xã hội do quá trình tương tác xã hội, một số giá trị trở nên có tính cấp bách, vượt trội hơn những giá trị khác, tuy nhiên, ở giai đoạn trước đó những giá trị này còn nằm trong trạng thái tiềm ẩn. Có những trường hợp, một vài giá trị đã từng là điểm nhấn của thời đại nào đó lại trở nên lỗi thời hoặc bị “xem nhẹ” ở một thời đại khác. Ví dụ: giá trị kinh tế, ước mơ làm giàu của cả một dân tộc; người anh hùng trong chiến tranh được tôn vinh như thần tượng nhưng trong thời kinh tế thị trường thì sự tôn vinh đó đã bị giảm đi v.v.

2.4. Sự thay đổi về trật tự của thang giá trị

Sự đo lại các giá trị: sự sắp xếp lại các giá trị thông qua việc sắp xếp lại các thành phần của nó trong “sự đánh giá lại các giá trị”. Sự sắp xếp lại trật tự các giá trị là biến thái rõ nhất của biến đổi thang (hay hệ thống) giá trị. Độ cao thấp của một giá trị trên thang giá trị được quyết định bởi rất nhiều nhân tố như sự tuyên bố hay sự bảo vệ và giữ gìn các giá trị; sự chuẩn bị đầu tư năng lượng và nguồn lực cho việc thực hiện và tuyên truyền nó.

2.5. Triển khai lại giá trị trong môi trường mới

Một giá trị tất yếu phải được đặt trong bối cảnh của một lĩnh vực ứng dụng-sự sắp xếp các trường hợp được tiến hành trong phạm vi hoạt động của

các giá trị đó, tức là những mục tiêu hay những cơ hội dành cho hành vi thực hiện giá trị hay đánh giá. Đó là vấn đề triển khai trở lại các giá trị đang tồn tại hơn là đi tìm kiếm những giá trị mới. Nó bao gồm việc xác định lại hành vi ứng dụng của những giá trị cũ.

2.6. Chuẩn hoá lại giá trị

Một hình thái biến đổi giá trị đặc biệt nhạy cảm và có tính toán kỹ lưỡng của các nhà quản lý xã hội trước những biến đổi trong môi trường xã hội, kinh tế và công nghệ v.v, là sự thay đổi tiêu chuẩn để thực hiện một giá trị nào đó, từ đó phải đưa ra chuẩn mới cho giá trị đó..

2.7. Xuất hiện chuẩn mực giá trị mới

Sự xuất hiện chuẩn mực xã hội mới sẽ làm thay đổi nội hàm giá trị hoặc xuất hiện giá trị mới. Ví dụ: trước đây người ta quan niệm về giá trị “sức khỏe xã hội” theo những chuẩn mực thấp hơn nhiều so với hiện nay. Khái niệm sức khỏe trước đây được hiểu như là một trạng thái “không có bệnh tật, thương tật”. Ngày nay, người ta đã nhìn nó với những chuẩn mực tích cực và cao hơn nhiều. Sức khỏe mang trong nó nội dung về sự phát triển tối ưu về thể chất, tinh thần, hạnh phúc của con người.

2.8. Xác định lại mục tiêu của việc thực hiện giá trị

Mục tiêu thực hiện giá trị là một mục tiêu đặc thù do người tuân thủ giá trị xác định theo những mối quan tâm tới sự tiến bộ của việc thực hiện giá trị đang được xem xét. Khi có một mục tiêu giá trị mà người ta không thể vươn tới,

người ta có thể chọn mục tiêu khác để thực hiện chính giá trị đó. Chúng ta gọi đó là sự xác định lại mục tiêu thực hiện giá trị.

2.9. Di động giá trị

Các giá trị có thể bị biến đổi dưới tác động của thế giới khách quan và khả năng tiếp nhận chủ quan của chủ thể hành động. Một số giá trị có thể “được nâng cấp”, một số giá trị lại có thể “bị hạ cấp”. Cách thức nâng cấp hay hạ cấp giá trị vừa phụ thuộc nhân tố khách quan, vừa phụ thuộc nhân tố chủ quan. Ví dụ: một vài tỉnh, thành phố ở nước ta (gọi là tỉnh A) khi thi tuyển viên chức cấp tỉnh chỉ lấy những người có bằng đại học chính quy trở lên. So với mặt bằng giá trị chung, tiêu chuẩn về chất lượng chuyên môn đối với cán bộ viên chức tỉnh A đòi hỏi cao hơn các tỉnh khác. Ngược lại, một số tỉnh không phân biệt loại bằng đại học tại chức hay chính quy, thậm chí ít quan tâm tới bằng cấp và chất lượng của nó (tỉnh B), khi đó ta nói: giá trị bằng cấp không quan trọng trong việc thi tuyển viên chức ở tỉnh B, cũng đồng nghĩa với việc hạ cấp giá trị bằng cấp. Khi nói tới việc nâng cấp các giá trị, ta nói tới các hình thức: đạt được giá trị; tăng cường phân phối lại; nhấn mạnh giá trị; sự đo lại hướng lên; triển khai trở lại rộng hơn; chuẩn hoá lại bằng cách nâng cao chuẩn mực; xác định lại mục tiêu bằng cách thực hiện bổ sung những mục tiêu hay nâng cao những mục tiêu đó. Khi nói tới mức độ hạ cấp các giá trị, ta nói tới các hình thức sau:

từ bỏ giá trị; giảm bớt phân phối lại; sự đo lại hướng xuống; triển khai trở lại hẹp hơn; xem thường giá trị; chuẩn hoá lại bằng cách hạ thấp chuẩn mực; xác định lại mục tiêu bằng cách bỏ qua những mục tiêu thực hiện hay hạ thấp tiêu chí đánh giá những mục tiêu đó. Hiện tượng di động xã hội cũng kéo theo hiện tượng di động các giá trị xã hội.

2.10. Biến đổi giá trị do sáng chế hoặc phát minh

Ở đây, nguyên nhân của sự biến đổi mang đặc tính thuần túy nhận thức, trong nghiên cứu khoa học, hoạt động thực tiễn. Có người cho rằng tiết kiệm là giá trị công cụ cần cho sự phồn vinh của đất nước. Nhưng những phát hiện của kinh tế học hiện nay đã thuyết phục chúng ta rằng đó không phải là mối quan hệ duy nhất đúng. Cuối cùng, chúng ta sẽ từ bỏ giá trị đó hoặc xem thường nó.

2.11. Biến đổi giá trị do tác động của hệ tư tưởng chính trị

Biến đổi giá trị ở đây liên quan tới sự truyền bá những học thuyết, hệ tư tưởng, sự sắp xếp lại những khả năng và định hướng liên quan tới biến đổi giá trị. Thông qua các hình thức quảng cáo, tuyên truyền giáo dục, noi gương những nhân vật anh hùng, tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa yêu nước, ý chí dân tộc, văn hóa và bản sắc dân tộc, vv, các giai cấp cầm quyền ở mọi hệ thống chính trị khác nhau đều áp đặt lên xã hội những giá trị mà họ cho là chính thống, và luật hóa các giá trị đó.

2.12. Xói mòn giá trị bởi chán nản, thất vọng

Nguyên nhân ở đây được gắn với một phổ rộng lớn những nhân tố xã hội, có tác động quan trọng trong xã hội. Địa vị của một giá trị có thể xói mòn với sự thức tỉnh của ý thức về một tồn tại xã hội. Giá trị “mất đi hương vị của nó” trở nên bị xuống cấp bởi sự ảo ảnh và sự vỡ mộng. Địa vị giá trị bị xói mòn bởi bước chuyển từ một xã hội hưởng ứng sự ổn định chuyển sang một xã hội định hướng biến đổi. Có những nước phi công nghiệp luôn tỏ ra lo lắng và không mong muốn các dạng thức biến đổi. Khi xã hội đã chấp nhận sự biến đổi, nó cũng tác động tới các giá trị. Một giá trị được chấp nhận ngay ở thời điểm nó mất đi giá trị cũ của nó. Những quan niệm về quá khứ, cái lỗi thời, cái quá hạn, cái dĩ vãng với sự ra đời những quan niệm về cái tương lai, cái mới, cái cập nhật xuất hiện như những giá trị mới.

Kết luận: Lý thuyết giá trị và mô hình biến đổi giá trị có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu sự ổn định trật tự xã hội cũng như biến đổi xã hội. Các lý thuyết giá trị xã hội đã chỉ ra rằng xã hội luôn nằm trong trạng thái vận động, biến đổi và phát triển. Khái niệm giá trị luôn gắn với khái niệm hành động xã hội của con người ở các cấp độ cá nhân, nhóm hay toàn thể xã hội. Giá trị xã hội phản ánh khách quan các quan hệ xã hội, các hình thức tổ chức của đời sống xã hội cũng như cấu trúc và hoạt động thực tiễn xã hội. Việc thiết lập thang đo giá

trị xã hội để xác định một trạng thái và dự báo biến đổi xã hội là rất cần thiết cho nhà nghiên cứu xã hội học nói riêng, các khoa học xã hội nói chung.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Hào Quang (1996), “Khái niệm giá trị”, *Tạp chí Khoa học*, Đại học quốc gia Hà Nội.
2. Kluckhohn, C. (1951) *Values and Value-Orientations in the Theory of Action*, T. Parsons and E. A. Schils (eds) *Towards a general Theory of Action* New York: Harper.
3. Durkheim.E (1996), *Về phân công lao động xã hội*, Nxb Canon, Matxcova, tr. 238-360. (tiếng Nga).
4. Parsons. T. (1937), *The Structure of Social Action: A Study of Social Theory with Special Reference to a Group of recent European Writers*, New York: McGraw-Hill.
5. Parsons. T. (1951), *The Structure of Social Action*, New York: Free Press.
6. Spencer. H (1990), trong cuốn “Sociological Theory”, David Ashley, Davis Michael Oreinstein, tr. 141-178).
7. Swidler, A. (1986), *Culture in Action: Symbols and Strategies*, *American Sociological Review* 51 (2).
8. Thomas, W. I. & Znaniecki, F. (1918-1920] 1958), *The Polish Peasant in Europe and America*, New York: Dover Publications.
9. Znaniecki, F. (1963) *Cultural Sciences*, University of Illinois. 9.S. H. Schwartz, 1994, *Journal of Social Issues*, 50, Nxb John Wiley & Sons, Inc. p. 22.
10. Weber. M (1990), *Tuyển tập*, Nxb Tiến bộ, Matxcova, tr. 625-633 (tiếng Nga).

